TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-PT
Ngày: 03/01/2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích V

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu V - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2022/TLPT-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2022, về: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn T, sinh năm 1948. Vắng mặt

1.2. Bà Trần Thị Kim X, sinh năm 1955. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là: Anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1989 (Theo giấy ủy quyền ngày 22/6/2022). Có mặt.

Địa chỉ: Ấp Đồng Tràm, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Thái Văn B, sinh năm 1966. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1969. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thu N, sinh năm: 1952 (đã chết ngày 16/02/2020 – BL 161).

Địa chỉ: Ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Thu N:

3.1. Chị Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1970. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2. Chị Trương Thị Ngọc P, sinh năm 1974. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.3. Anh Trương Đình H, sinh năm 1976. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.4. Chị Trương Thị U, sinh năm 1978. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X trình bày:

Ông, bà có các thửa đất số 333, 334, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.160m^2 đất tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K. Nguồn gốc đất là của ông, bà vào năm 1986 và đã được Ủy ban nhân dân (*Ủy ban nhân dân, sau đây được viết tắt là UBND*) huyện G, tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đây được viết tắt là Giấy CNQSD đất)* do ông Nguyễn T đứng tên. Phần đất của ông, bà giáp với ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V từ trước đến nay đã có trụ đá làm ranh, vào ngày 28/5/2017 ông B ngang nhiên chặt phá cây và lấn chiếm sang phần đất của ông, bà N 01m, dài 50m. Ông có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết và nhờ chính quyền địa phương đo đạc xác định lại ranh vì phần đất này do Nhà nước cấp cho ông, bà chiều Nng 30m, dài 50m. Nhưng khi đo đạc thì đất của ông, bà chiều Nng mặt tiền còn lại 27,4m, chiều ngang sau hậu là 27,8m.

Phần diện tích đất của ông B, bà V là do nhận chuyển nhượng lại của bà Trần Thị Thu N, phần đất của bà N cũng được Nhà nước cấp có diện tích là ngang 30m, dài 50m. Nhưng khi địa chính xã đo đạc lại thì có chiều ngang là 32,2m, như vậy phần diện tích đất của ông B, bà V dư 2,2m. Khi đó UBND xã xác định lại ranh đất giữa ông, bà và ông B, bà V là ngang ranh đất cũ nhưng ông B, bà V không đồng ý.

Nay ông T, bà X yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà V giao trả cho gia đình ông, bà diện tích đất đã lấn chiếm ngang mặt tiền là 2,6m, ngay sau hậu là 2,2m chạy dài là 50m nằm một phần trong thửa đất số 334, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.160m^2 tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K.

- Theo bị đơn ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

Vợ chồng ông, bà có các thửa đất số 349, 350 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.500m^2 tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K. Nguồn gốc phần đất này là do ông, bà nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Thu N vào ngày 15/7/1998, hai bên chỉ làm giấy tay với nhau, giấy tay và giấy CNQSD đất của bà N hiện nay ông, bà đang cất giữ. Hiện nay chưa thực hiện thủ tục sang tên vì chưa có khả năng đóng chi phí chuyển nhượng.

Khi nhận chuyển nhượng đất từ bà N thì không có đo đạc cụ thể, giữa phần đất của ông, bà và phần đất của ông T, bà X có con mương Nng 4m, dài 49m để làm ranh. Con mương này là của bà N đã chuyển nhượng cho ông nhưng khi ông nhận đất sử dụng thì ông T, bà X Nng nhiên chiếm hết con mương, hiện nay ông T, bà X đã san lấp con mương. Vào ngày 26/01/2018 UBND xã đã tiến hành đo đạc lại đất của ông, bà và đất của ông T, bà X thì phần đất của ông, bà có chiều ngang là 34,2m, vì nghĩ là hàng xóm với nhau nên ông, bà cũng đồng ý cho lại ông T, bà X diện tích đất ngang 2m chạy dài đến sau hậu, phần đất của ông, bà còn lại Nng 32,2m hai bên đều đồng ý thống nhất và có ký tên vào biên bản.

Nay ông, bà không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà X vì ông, bà không có lấn chiếm đất của ông T, bà X.

Ngày 17/6/2019 ông B, bà V làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông T, bà X phải giao trả lại cho ông, bà diện tích đất ngang 2m, dài 49m.

Ngày 20/7/2020 ông B, bà V làm đơn yêu cầu phản tố bổ sung yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà và bà Trần Thị Thu N vào ngày 15/7/1998 đối với các thửa đất số 349, 350 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.500m^2 tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông B, bà V rút lại một phần yêu cầu phản tố là yêu cầu ông T, bà X phải giao trả lại cho ông, bà diện tích đất Nng 2m, dài 49m. Nay ông, bà yêu cầu lấy ranh đất theo biên bản ngày 26/01/2018 của UBND xã Long Thạnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai ngày 20/8/2022 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Thu N là chị Trương Thị Ngọc L, chị Trương Thị Ngọc P, anh Trương Thanh H, chị Trương Thị U trình bày:

Vào ngày 15/7/1998 mẹ của anh, chị là bà Trần Thị Thu N có chuyển nhượng thửa đất số 349, 350 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.500m^2 tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K cho ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V. Nay các anh, chị đều thống nhất việc bà N đã chuyển nhượng phần đất trên cho ông B, bà V, anh chị không có ý kiến và yêu cầu gì, không tranh chấp và khiếu nại về sau đối với phần đất trên. Khi nào ông B, bà V có nhu cầu thực hiện thủ tục sang tên giấy CNQSD đất thì anh chị cũng đồng ý ký tên cho ông B, bà V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K đã xét xử, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V và bà Trần Thị Thu N vào ngày 15/7/1998 đối với thửa đất số 349, 350, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.500m^2 tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện

g, tỉnh K (diện tích theo đo đạc thực tế 1.442,9m^2) là thuộc quyền sử dụng của ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V.

Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng diện tích đất của ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X và ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V. Lấy cạnh số 6 (vị trí trụ đá và cây xanh) cặp lộ xi măng và phía sau hậu lấy cạnh số 5 là mốc giới hai bên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2019 và theo trích đo địa chính số TĐ 163-2019(333;334 và 349;350-02) ngày 22/5/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G, cụ thể: (có sơ đồ kèm theo). Có nêu chi tiết, vị trí các thửa đất theo trích đo.

Ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X và ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy CNQSD đất đúng với diện tích theo đo đạc thực tế sử dụng của hai bên.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V là yêu cầu ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X giao trả diện tích đất Nng 2m, dài 49m.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 01/7/2022 nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X có đơn kháng cáo: Ông T và bà X không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lấy lại ranh đất cũ là cây tràm bông vàng theo biên bản ngày 29/3/2018 của UBND xã L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày: Phần đất ông T khai phá là 1.500m^2 có chiều Nng là 30m và dài là 50m, nhưng khi cấp giấy CNQSD đất thì diện tích trong giấy là 1.160m^2. Từ đó đến nay ông T cũng không có khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Do không có căn cứ xác định ông B lấn chiếm đất của ông T nên bản án sơ thẩm quyết định là có căn cứ và phù hợp. Do đó, đề

nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST, ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung vụ án như sau*:

[1.1] *Phần đất tranh chấp:* Theo đo đạc thực tế thì phía ông Nguyễn T tranh chấp phần đất có diện tích 98,6m^2; còn phía ông Thái Văn B tranh chấp phần đất có diện tích 91,7m^2. Đất tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K. Căn cứ theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 163-2019 (333, 334 và 349, 350-02), ngày 22/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng (BL 84-87).

[1.2] *Về nguồn gốc đất*:

Phần đất của phía ông T kê khai và được UBND huyện G cấp giấy CNQSD đất số D 0673384, ngày 30/4/1995, diện tích 1.160m^2 theo thửa số 333, 334 do ông Nguyễn T đứng tên;

Phần đất của phía ông B có nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Thu N bằng giấy tay vào năm 1998 (giáp ranh với đất của phía ông T). Phần đất này bà N đã được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất số K 453300, ngày 05/7/1997, có diện tích 1.500m^2, theo thửa số 349, 350 (BL 42, 43). Đến nay phía ông B vẫn chưa làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận. Nay các con của bà N vẫn thống nhất hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với vợ chồng ông B và không tranh chấp gì đối với hợp đồng chuyển nhượng phần đất này.

[2] *Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X, về việc:* Yêu cầu phía ông B, bà V trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 98,6m^2, cụ thể cạnh Nng trước giáp Lộ Nông thôn là cạnh 6-8= 1,8m, cạnh Nng sau là 5-7= 2,5m, cạnh chiều dài giáp đất của ông T là 5-6= 46m, cạnh dài giáp đất của ông B là 7-8 = 45,92m (BL 84 – 87). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy như sau: Phần đất giữa các bên sử dụng đều đã được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất, theo đó phần đất ông T được sử dụng là 1.160m^2 nhưng thực tế ông T sử dụng phần đất có diện tích là 1.247,9m^2 (thừa 87,9m^2). Còn phần đất của ông B được sử dụng là 1.500m^2 nhưng thực tế ông B sử dụng phần đất có diện tích 1.442,9m^2 (thiếu 57,1m^2). Ngoài ra, căn cứ theo Biên bản đo đạc thực địa tranh chấp đất đai ngày 26/01/2018 của Ban lãnh đạo ấp Đường Gỗ Lộ (BL 20) giải quyết và ghi nhận, được các bên thống nhất số liệu và cặm trụ đá làm ranh chung, theo đó phần đất của phía ông T có chiều ngang giáp Lộ nông thôn là 27,4m, cạnh ngang phía sau là 27,8m. Đất của phía ông B có các cạnh ngang trước và ngang sau đều là 32,2m. Khi Tòa án xem xét hiện trạng thì trụ đá làm ranh vẫn còn. Qua đối chiếu với hiện trạng sử dụng thực tế theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 163-

2019 (BL 86) thì phần đất ông T có cạnh ngay trước giáp Lộ xi măng - nông thôn là 27,2m, cạnh Nng sau là 27m, còn phần đất của phía ông B có cạnh Nng trước giáp Lộ xi măng – nông thôn là 32m, cạnh Nng sau là 31m. Xét thấy, mặc dù cạnh Nng phần đất đất của phía ông T và phía ông B chênh lệch nhưng phần diện tích đất của phía ông B sử dụng thực tế bị thiếu so với giấy CNQSD đất được cấp, trong khi phần diện tích đất thực tế của ông T sử dụng lại nhiều hơn so với diện tích đất được cấp trong giấy CNQSD đất, hơn nữa hiện trạng ranh giới các bên sử dụng không thay đổi. Mặt khác, các bên cũng đã thỏa thuận và thống nhất ranh giới theo biên bản ngày 26/01/2018 do Ban lãnh đạo ấp Đương Gỗ Lộ hòa giải. Ngoài ra, từ khi được cấp giấy CNQSD đất năm 1995 có thể hiện phần đất của ông T có diện tích là 1.160m^2 nhưng phía ông T vẫn thống nhất mà không có khiếu nại. Vì lẽ đó, không có cơ sở để cho rằng phía ông B lấn chiếm đất của phía ông T, nên bản án sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà X là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông T, bà X.

Ngoài ra, các bên không có kháng cáo nội dung nào khác, do đó các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm có sai sót nhiều lỗi nhưng không nghiêm trọng (như sai về lỗi chính tả, tên đương sự và tên gọi cơ quan đo đạc) nên cấp phúc thẩm chỉnh sửa lại cho chính xác.

[4] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.324.000đ và chi phí thẩm định giá là 1.980.000đ. Ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X phải nộp và đã thực hiện xong.

[5] *Về án phí dân sự*: Do ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X thuộc trường hợp "Người cao tuổi" và có yêu cầu nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X và ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều: 245, 246, 248 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST, ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X đối với ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X và ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V. Lấy cạnh 5-6 = 46m là ranh giới sử dụng đất giữa hai bên theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2019 và theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 163-2019 (333, 334 và 349, 350-02), ngày 22/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G.

Ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X được sử dụng phần đất có diện tích 1.247,9m^2 thuộc thửa số 333 và 334, tờ bản đồ số 02, theo giấy CNQSD đất số D 0673384, ngày 30/4/1995 do UBND huyện Giồng Riềng cấp cho ông Nguyễn T đứng tên. Phần đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,5,6,3,4, cụ thể như sau: Cạnh 1-2-5= 27m (giáp đất Huỳnh Kim Hoàng), cạnh 5-6 = 46m (giáp đất Thái Văn B), cạnh 6-3-4= 27,2m (giáp Lộ xi măng), cạnh 4-1= 46,4m (giáp Kênh 6 thước).

Ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V được sử dụng phần đất có diện tích 1.442,9m^2 thuộc thửa số 349 và 350, tờ bản đồ số 02, theo giấy CNQSD đất số K 453300, ngày 05/7/1997 do UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Trần Thị Thu N đứng tên. Phần đất được giới hạn bởi các điểm 5,7,9,10,8,6, cụ thể như sau: Cạnh 5-7-9= 31m (giáp đất Huỳnh Kim Hoàng), cạnh 9-10 = 46m (giáp đất Trần Văn Mừng), cạnh 10-8-6= 32m (giáp Lộ xi măng), cạnh 6-5= 46m (giáp đất Nguyễn T).

Ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X với ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích đất được sử dụng theo đo đạc thực tế.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V về việc yêu cầu tiếp tục công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/7/1998 giữa ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V với bà Trần Thị Thu N. Ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V được quyền sử dụng đất theo giấy CNQSD đất số K 453300, ngày 05/7/1997 do UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Trần Thị Thu N với các thửa đất số 349, 350, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.500m^2 tọa lạc tại ấp Đường Gỗ Lộ, xã Long Thạnh, huyện G, tỉnh K (diện tích theo đo đạc thực tế là 1.442,9m^2).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm V về việc yêu cầu ông Nguyễn T, bà Trần Thị Kim X giao trả phần đất có cạnh ngang 2m và cạnh dài 49m.

4. *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.324.000đ và chi phí thẩm định giá là 1.980.000đ. Ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X phải nộp và đã thực hiện xong.

5. *Về án phí dân sự*: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X số tiền là 1.500.000đ theo biên lai thu số 0007305, ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V số tiền là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001316, ngày 17/6/2019 và số tiền 300.000đ biên lai thu số 0005678, ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Miễn nộp án phí cho ông Nguyễn T và bà Trần Thị Kim X.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Nguyễn T số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0008549 và bà Trần Thị Kim X số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0008548, cùng ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán	**Thẩm phán**	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
Lê Quang Tấn	**Trần Thị Trâm Anh**	**Đặng Thị Bích V**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích V